

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON RẪY,
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS - ST
Ngày: 04 - 3 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON RẪY, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đăng Tương và bà Y HLiêu.

- Thư ký phiên tòa: Ông A Thống – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy - tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2020/TLST- DS ngày 21 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Q – Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Tòa nhà X, bán đảo Linh Đàm, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bá P. Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Kon Rẫy.

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện Kon Rẫy (ông P có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn Z, xã T, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Bá P - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, Ngân hàng cho anh Nguyễn Văn N vay số tiền 50.000.000 đồng theo khế ước số 6600000712273757 của chương trình hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, thời hạn trả nợ đến 22 tháng 3 năm 2023, lãi suất cho vay 9%/

năm. Ngày 07 tháng 9 năm 2019, Ngân hàng cho anh N vay số tiền 20.000.000 đồng theo khế ước số 6600000716063910 của chương trình cho vay nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, thời hạn vay đến ngày 07 tháng 8 năm 2020, lãi suất cho vay 9%/năm. Trong hợp đồng, hai bên còn thỏa thuận về thời hạn trả lãi, trả gốc và lãi quá hạn. Tuy nhiên, ngày 07/8/2020, khi tiến hành kiểm tra về mục đích sử dụng vốn vay, ngân hàng phát hiện gia đình anh Nguyễn Văn N đã vi phạm về sử dụng vốn sai mục đích đối với khoản vay 50.000.000 đồng. Bên cạnh đó, anh Nguyễn Văn N đã không tiến hành trả lãi đầy đủ và đúng hạn đối với cả 02 khoản tiền đã vay đã dẫn đến việc nợ tiền lãi và khoản tiền gốc đến hạn nên ngân hàng đã chuyển cả 02 khoản nợ thành nợ quá hạn từ ngày 07/8/2020.

Từ đó đến nay, mặc dù Ngân hàng đã ủy thác cho tổ tiết kiệm và vay vốn nhiều lần làm việc trực tiếp với gia đình anh N để thông báo, nhắc nhở việc sử dụng vốn sai mục đích, đôn đốc bên phía bị đơn để thu xếp trả nợ cho Ngân hàng nhưng anh N vẫn chưa trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (04/3/2021), tổng cộng số tiền anh N còn nợ Ngân hàng là 82.014.827 đồng (trong đó: Nợ của khế ước 6600000712273757 ngày 22/3/2018 là 50.000.000 đồng tiền gốc và tiền nợ trong hạn là 5.287.327 đồng, lãi quá hạn là 3.412.500 đồng. Nợ theo khế ước 6600000716063910 ngày 07/ 9/ 2019 là 20.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn là 1.950.000 đồng, lãi quá hạn là 1.365.000 đồng.).

Về phía bị đơn - anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về, đã được Tòa án niêm yết thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành và không có mặt tại phiên tòa. Cho đến nay, bị đơn chưa cung cấp các bản tự khai, các tài liệu theo yêu cầu của mình cho Tòa án và không có lời trình bày tại phiên tòa nên Tòa án dựa vào các tài liệu chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp và có tại hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Đây là vụ án Dân sự “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy theo quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 BLTTDS; Tòa án thụ lý, giải quyết từ ngày 21/10/2020 đã phân công Thẩm phán thụ lý giải quyết đúng theo quy định Điều 195, 196, 197 Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định thời hiệu, xác định tư cách của người tham gia tố tụng quan hệ pháp luật trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định (Điều 68), yêu cầu giao nộp tài liệu chứng cứ, lấy lời khai của đương sự (Điều 98), thông báo và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, 209, 210 và 211; tổng đạt văn bản tố tụng và các thông báo kịp thời, thời gian chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS.

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với bị đơn - ông Nguyễn Văn N mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có yêu cầu phản tố;

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, trong đó người đại diện của nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng Bị đơn vắng mặt không có lý do, vì vậy Kiểm sát viên đề nghị HĐXX tiến hành phiên tòa xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án dựa vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật để xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Các khế ước số 6600000712273757 ngày 22/3/2018 và khế ước 6600000716063910 ngày 07/9/2019 được ký kết giữa Ngân hàng và bị đơn anh Nguyễn Văn N dựa trên cơ sở tự nguyện, chủ thể ký kết Hợp đồng là người có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ thẩm quyền lý kết theo quy định của pháp luật, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó Hợp đồng trên là hợp pháp và có hiệu lực với các bên tham gia ký kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn đã vi phạm quy định về mục đích sử dụng vốn, nghĩa vụ thanh toán như cam kết nên việc khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng vào các Điều 117, 118, 119, 280, 282, 463, 465, 466, 467, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng C Việt Nam, buộc bị đơn - anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ 82.014.827 đồng (trong đó: Nợ của khế ước: 6600000712273757 ngày 22/3/2018 là 50.000.000 đồng tiền gốc và tiền nợ trong hạn là 5.287.327 đồng, lãi quá hạn là 3.412.500 đồng. Nợ theo khế ước 6600000716063910 ngày 07/9/2019 là 20.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn là 1.950.000 đồng, lãi quá hạn là 1.365.000 đồng) và toàn bộ lãi phát sinh tính từ ngày 05/3/2021 cho đến khi anh Nguyễn Văn N trả xong toàn bộ số nợ nói trên tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn - anh Nguyễn Văn N chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chỉ bổ sung số tiền lãi suất tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 04/3/2021). Yêu cầu bổ sung của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng C (NHCSXH) và bị đơn anh Nguyễn Văn N được khởi kiện trong thời hạn luật định và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum. Tranh chấp phát sinh giữa các bên là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Luật Tố tụng dân sự.

Sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật, Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ điểm, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Khoản vay 50.000.000 đồng của anh N và ngân hàng được giao dịch hiện trên cơ sở khế ước số 6600000712273757 ngày 22/3/2018 theo chương trình hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, trồng cây bời lời. Ngày giải ngân là ngày 22/3/2018. Thời hạn vay 60 tháng, đến ngày 22/3/2023. Nợ gốc trả thành 5 kỳ, mỗi kỳ 12 tháng thì trả 10.000.000 đồng. Lãi suất 9%/năm. Lãi được trả định kỳ hàng tháng, vào ngày 22. Lãi quá hạn bằng 130% lãi trong hạn.

Khoản vay 20.000.000 đồng vay được giao dịch theo khế ước số 6600000716063910 ngày 07/9/2019 theo chương trình công trình nước sạch và sửa công trình vệ sinh. Thời hạn vay 60 tháng. Kỳ hạn trả nợ 06 tháng/ lần trả 2.000.000 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 07/8/2024. Lãi suất 9%/ năm, trả định kỳ hàng tháng vào ngày 07. Lãi quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Các khế ước số 6600000712273757 ngày 22/3/2018 và khế ước 6600000716063910 ngày 07/9/2019 giữa Ngân hàng và anh Nguyễn Văn N được ký kết trên cơ sở tự nguyện, chủ thể ký kết hợp đồng là người có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ thẩm quyền ký kết theo quy định của pháp luật, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội,

hình thức hợp đồng thuận thủ đúng quy định. Do đó, các Hợp đồng trên là hợp pháp và có hiệu lực với các bên tham gia ký kết theo quy định tại các Điều 117, 118, 119 và 463 Bộ luật dân sự 2015.

[5] Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ các khoản vay trên cho anh N. Tuy nhiên, anh N đã nhận đủ tiền vay nhưng chỉ mới trả lãi trong hạn của khoản vay 50.000.000 đồng là 5.587.673 đồng và sử dụng vốn vay không đúng mục đích vay trồng cây bởi lời, chưa trả khoản tiền gốc đến hạn nào. Đối với khoản vay 20.000.000 đồng, anh N chưa trả nợ lãi và nợ gốc đến hạn đồng nào. Như vậy, anh N đã vi phạm cam kết tại 02 khế ước vay đã ký là sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Do đó, mặc dù theo 02 khế ước thì còn một phần nợ gốc chưa đến hạn nhưng ngân hàng khởi kiện đòi toàn bộ nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn tương ứng là phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác nên Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét số tiền lãi trong hạn và quá hạn mà ngân hàng yêu cầu theo bảng kê chi tiết là đúng với thời gian, số tiền và cách tính theo thỏa thuận trong các khế ước vay vốn và quy định tại Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận. Như vậy, có cơ sở buộc anh Nguyễn Văn N phải trả cho ngân hàng số tiền nợ theo khế ước số 6600000712273757 ngày 22/3/2018 là: tiền nợ gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn từ ngày 07/6/2019 đến ngày 07/8/2020 là 5.288.000 đồng, lãi quá hạn từ ngày 07/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (04/3/2021) là 3.412.000 đồng; trả số tiền nợ theo khế ước số 6600000716063910 ngày 07/9/2019 là: tiền nợ gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn từ ngày 07/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (04/3/2021) là 1.365.000 đồng. Tổng số tiền của cả 02 khế ước mà anh N phải trả cho ngân hàng là 82.014.827 đồng.

[7] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng vào các Điều 117, 118, 119, 280, 282, 463, 465, 466, 467, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và bổ sung của của nguyên đơn - Ngân hàng C.

Buộc bị đơn - anh Nguyễn Văn N phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ 58.699.827 đồng (*năm mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi chín ngàn, tám trăm hai mươi*

bảy đồng) theo khế ước số 6600000712273757 ngày 22/3/2018 và số tiền nợ 23.315.000 đồng (hai mươi ba triệu, ba trăm mười lăm ngàn đồng) theo khế ước số 6600000716063910 ngày 07/9/2019. Tổng số tiền của cả 02 khế ước mà anh N phải trả cho ngân hàng là 82.014.827 đồng (tám mươi hai triệu, không trăm mười bốn ngàn, tám trăm hai mươi bảy đồng).

Anh Nguyễn Văn N còn phải trả toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 05/ 3/ 2021 cho đến khi trả xong toàn bộ các khoản nợ trên cho Ngân hàng C theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án. Phòng giao dịch ngân hàng C huyện Kon Rẫy có quyền nhận tiền thay Ngân hàng C.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn - anh Nguyễn Văn N chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 4.100.000 đồng (bốn triệu, một trăm ngàn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành;

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (04/3/2021). Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Rẫy;
- Chi cục THADS huyện Kon Rẫy;
- Các đương sự
- Lưu HSVA./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương Loan

